

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 01**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119240168	LÊ THỊ HỒ ÁI	08/08/2000	CCQ1924G						74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119240230	NGUYỄN NGỌC LAN ANH	29/09/2001	CCQ1924I						77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119240028	NGUYỄN TRẦN CÁT ANH	04/01/2001	CCQ1924B						84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119240201	PHẠM THỊ KIỀU ANH	18/08/2000	CCQ1924H						89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119240054	NGUYỄN THỊ HỒNG BÔNG	24/06/2001	CCQ1924C						92	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119100069	LÊ HỒ NGỌC CHÂU	07/11/2001	CCQ1924J						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119240001	VÕ THỊ NGỌC CHÂU	24/12/2000	CCQ1924A						72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119240086	MAI THỊ NGỌC CHI	05/01/2001	CCQ1924D						73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119240085	NGUYỄN THỊ KIM CHI	23/07/2001	CCQ1924D						86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119240087	PHẠM VIỆT CƯỜNG	07/10/2001	CCQ1924D						75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119240002	ĐÌNH THỊ KIỀU DIỄM	25/01/2000	CCQ1924A						86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119240204	PHẠM THỊ KIỀU DUYỀN	30/10/2000	CCQ1924H						62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119240003	ĐỖ THỊ NGỌC ĐIỆP	20/09/2001	CCQ1924A						78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2118240372	HÀ CHÂU ĐỨC	25/03/2000	CCQ1824F						72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2118240225	ĐÀO THỊ THÙY GIANG	09/02/2000	CCQ1824D						70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119240004	VÔ NGỌC GIÀU	21/04/2001	CCQ1924A						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2118240158	RAHLAN H'CHINH	08/11/1998	CCQ1824C						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119240206	NGUYỄN THỊ THÁI HÀ	30/08/2001	CCQ1924H						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2118240155	TRẦN THANH HÀ	17/02/2000	CCQ1824C						75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119240207	ĐÀO THỊ HẠNH	20/12/2001	CCQ1924H						79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 01**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Du</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Du</i>	G.Viên chấm thi 2
---------------------------------------	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119240172	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	12/11/2001	CCQ1924G						79	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2119240031	NGUYỄN THỊ TRÚC HÀO	28/07/2000	CCQ1924B						80	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2119240262	HOÀNG THỊ HẰNG	05/09/2000	CCQ1924J						82	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2118240012	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	28/08/1999	CCQ1824A						79	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2119240094	PHẠM THỊ KIM HẰNG	30/11/2001	CCQ1924D						68	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2119240208	ĐINH THỊ NGỌC HÂN	24/10/2001	CCQ1924H						77	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2119240209	TRẦN THỊ HIỀN	16/10/2001	CCQ1924H						91	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2119240006	BÙI THỊ NGỌC HIỀN	17/11/2001	CCQ1924A						86	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2119240263	TRẦN THỊ THU HIỀN	28/04/2001	CCQ1924J						75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2119240174	NGUYỄN PHƯƠNG HIỀN	10/01/2001	CCQ1924G						85	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2119240236	DƯƠNG THỊ MINH HIẾU	01/11/2001	CCQ1924I						75	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2119240033	ĐÀO THỊ HỒNG	08/10/2001	CCQ1924B						66	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2119240264	TRẦN MINH HUÂN	30/10/2001	CCQ1924J						73	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	2118240015	DƯƠNG THỊ THÁI HUY	30/05/2000	CCQ1824A						72	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
35	2119240008	NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN	17/05/2001	CCQ1924A						86	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	2119240210	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	13/06/2001	CCQ1924H						81	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	2119240175	PHẠM THỊ THÚY HUỲNH	25/07/2001	CCQ1924G						73	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	2119240096	KIỀU THỊ THU HƯƠNG	17/12/2001	CCQ1924D						84	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	2119240176	HUỲNH THỊ KIM HƯƠNG	17/08/2001	CCQ1924G						74	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	2119240212	TRẦN THOẠI KIỀU KHANH	21/09/2001	CCQ1924H						70	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 01

CBGD: KHOA NGOẠI NGỮ (240090)

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Du</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Du</i>	G.Viên chấm thi 2
---------------------------------------	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2119240059	PHẠM THỊ DUY	04/06/2001	CCQ1924C						72	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2119240034	KIỀU DIỄM	17/03/2001	CCQ1924B						88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
43	2119240063	HUỖNH THANH THÙY	19/10/2001	CCQ1924C						76	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	2119240214	NGUYỄN THỊ NGỌC	19/09/2001	CCQ1924H						70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	2119240066	TRẦN THỊ TƯỜNG	17/01/2000	CCQ1924C						85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	2119240329	NGUYỄN THỊ KIỀU	10/07/2001	CCQ1924LA						82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	2119240180	TRẦN THỊ DIỄM	16/03/2001	CCQ1924G						88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
48	2119240010	TRỊNH THỊ	26/10/2001	CCQ1924A						90	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	2119240011	NGUYỄN LÊ	16/06/2001	CCQ1924A						70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	2119240181	LÊ NGỌC HIẾU	31/01/2001	CCQ1924G						83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	2119240215	NGUYỄN THANH	05/09/2001	CCQ1924H						79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
52	2118240026	NGUYỄN THỊ THANH	10/06/1999	CCQ1824A						77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	2119240182	PHẠM LÊ THANH	11/01/2001	CCQ1924G						84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	2119240012	PHAN CHÂU	08/09/2001	CCQ1924A						70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
55	2119240036	TRẦN THỊ KIM	12/11/2000	CCQ1924B						81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
56	2119240269	TRẦN THỊ THÚY	20/10/2001	CCQ1924J						/	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
57	2119240183	VÕ HOÀNG	09/01/2001	CCQ1924G						86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
58	2119220007	NGUYỄN THỊ BÍCH	21/03/2001	CCQ1924A						87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
59	2118240027	TRẦN THỊ BÍCH	24/07/1999	CCQ1824A						75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
60	2119240216	LÊ NGUYỄN KIM	08/06/2001	CCQ1924H						87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

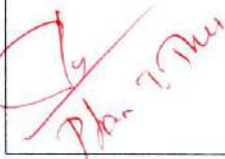
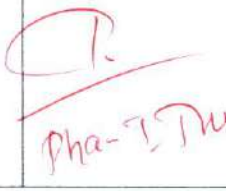
Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 01**

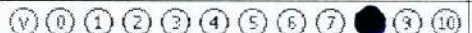
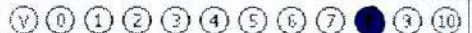
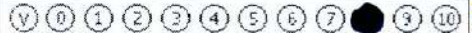
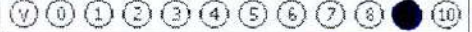
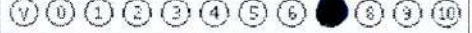
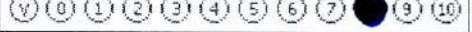
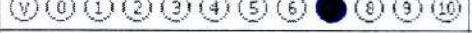
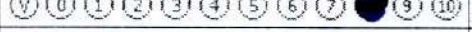
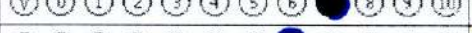
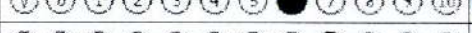
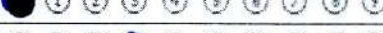
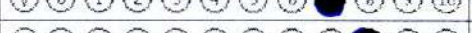
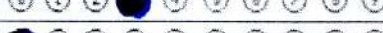
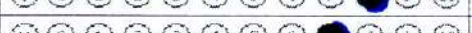
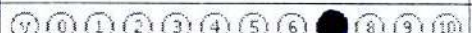
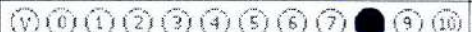
CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2119240217	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	16/12/2001	CCQ1924H						81		
62	2119240013	TRẦN THẢO NGUYỄN	07/07/2001	CCQ1924A						85		
63	2118240250	LÊ THỊ THANH NHÀN	01/11/2000	CCQ1824D						80		
64	2119240154	BÙI NGỌC VÂN NHI	12/01/2000	CCQ1924F						90		
65	2119240014	DƯƠNG TRẦN THẢO NHI	29/12/2001	CCQ1924A						74		
66	2119240185	ĐÀO THỊ KIM NHI	26/01/2001	CCQ1924G						89		
67	2119240218	ĐINH TUYẾT NHI	01/04/2000	CCQ1924H						74		
68	2119240070	ĐỖ THỊ UYẾN NHI	17/11/2001	CCQ1924C						82		
69	2119240184	NGUYỄN HỒNG NHI	31/01/2001	CCQ1924G						79		
70	2117240216	NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI	23/09/1999	CCQ1724D						60		
71	2119240038	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	17/03/2001	CCQ1924B						73		
72	2119240348	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	02/11/2001	CCQ1924G						80		
73	2119240245	TRẦN TRÚC NHI	01/11/2001	CCQ1924I						84		
74	2119240332	VÕ THỊ YẾN NHI	10/11/2001	CCQ1924LA						70		
75	2119240016	TRẦN LÊ THÚY NHƯ	26/12/2001	CCQ1924A						72		
76	2119240099	NGÔ VÂN OANH	09/05/2001	CCQ1924D						82		
77	2119240017	TRẦN THỊ KIỀU OANH	30/11/2001	CCQ1924A						—		
78	2119240039	PHẠM THỊ BÉ PHẤN	03/10/2001	CCQ1924B						89		
79	2119240220	TRẦN NGỌC PHẤN	16/09/2001	CCQ1924H						7.5		
80	2119240273	VÕ THÙY MỸ PHÚC	03/04/2001	CCQ1924J						8.5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 01**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2119240248	LÊ PHẠM UYÊN PHƯƠNG	06/04/2001	CCQ1924I						77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	2119240041	LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	28/12/2001	CCQ1924B						—	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	2118240192	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	08/03/2000	CCQ1824C						75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	2118240043	TRẦN THỊ MỸ QUYÊN	05/01/1999	CCQ1824A						—	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	2118240113	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	21/05/1999	CCQ1824B						78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	2119240275	LÊ MY SA	10/11/2001	CCQ1924J						79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	2118110223	HUỲNH TRỊNH TRƯỜNG SƠN	21/12/2000	CCQ1824F						—	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	2119240100	NGUYỄN NGỌC TÀI	23/09/2001	CCQ1924D						79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	2119240190	TRẦN THANH TÂM	18/05/2001	CCQ1924G						79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	2119240221	LÊ QUÁCH PHƯƠNG THANH	08/03/2001	CCQ1924H						65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
91	2119240222	LIÊU NGỌC THANH THANH	02/11/1999	CCQ1924H						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
92	2118240047	HỒ ĐỖ PHƯƠNG THẢO	13/07/2000	CCQ1824A						89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
93	2119240277	HUỲNH THỊ HỒNG THẢO	13/03/2001	CCQ1924J						82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
94	2119240251	LÊ THỊ HỒNG THẨM	26/04/2001	CCQ1924I						85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
95	2119240019	ĐOÀN THỊ KIM THOA	25/03/2001	CCQ1924A						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
96	2119240281	TRẦN THỊ THU THỦY	17/10/2001	CCQ1924J						93	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
97	2119240101	TRƯƠNG THỊ THU THỦY	08/11/2001	CCQ1924D						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
98	2119240350	DƯƠNG THỊ THANH THỦY	27/03/2001	CCQ1924G						70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
99	2118240051	ĐÀO THỊ THANH THÚY	30/10/1998	CCQ1824A						75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
100	2119240102	LÊ THỊ THANH THỦY	21/08/2001	CCQ1924D						81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 01

CBGD: KHOA NGOẠI NGỮ (240090)

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan Văn</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan Văn</i>	G.Viên chấm thi 2
-------------------------------------	------------------	--------------------------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
101	2119240193	NGUYỄN ĐIỀU THÚY	16/11/2001	CCQ1924G						82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
102	2119240043	MAI MINH THUYỀN	11/02/2001	CCQ1924B						76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
103	2119240313	ĐÌNH THỊ ANH THƯ	05/05/2001	CCQ1924K						—	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
104	2118240413	NGUYỄN VŨ ANH THƯ	26/08/2000	CCQ1824F						91	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
105	2118240338	TRẦN HUỖNH MINH THƯ	22/09/2000	CCQ1824E						—	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
106	2119240194	NGUYỄN THỊ THU THƯƠNG	05/04/2001	CCQ1924G						90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
107	2119240224	LÊ THỊ MỸ TIẾN	06/10/2001	CCQ1924H						76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
108	2118240054	NGUYỄN THỊ CẨM TIẾN	26/09/2000	CCQ1824A						75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
109	2119240103	LÊ QUỐC TIẾN	29/08/1999	CCQ1924D						82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
110	2119240104	LÊ THỊ KIM TÍM	26/01/2001	CCQ1924D						7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
111	2119240048	HUỖNH CAO PHƯƠNG TRANG	02/11/2001	CCQ1924B						89	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
112	2119240225	LÊ KIỀU ĐOAN TRANG	08/11/2001	CCQ1924H						88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
113	2119240227	LÊ THỊ TRANG	19/05/2001	CCQ1924H						75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
114	2119240021	LÊ THỊ THÙY TRANG	30/08/2001	CCQ1924A						8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
115	2118240122	PHẠM QUỲNH TRANG	10/08/2000	CCQ1824B						76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
116	2119240351	NGUYỄN LÊ NGỌC TRÂM	11/05/2001	CCQ1924G						79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
117	2119240022	LÊ THỊ QUẾ TRÂN	16/09/2001	CCQ1924A						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
118	2119240105	NGUYỄN PHAN ANH TRÍ	03/05/2001	CCQ1924D						6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
119	2119240195	HUỖNH THỊ MỸ TRINH	04/08/2001	CCQ1924G						84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
120	2119240337	NGUYỄN THOẠI TRINH	09/05/2001	CCQ1924LA						70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 01**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Phan T. Duy</i>	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
121	2119240049	TRẦN THỊ THÙY TRINH	27/11/2001	CCQ1924B						84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
122	2119240024	VÕ THỊ CẨM Tú	27/05/2001	CCQ1924A						88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
123	2118240424	NGUYỄN VĂN TUYÊN	14/08/2000	CCQ1824F						—	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
124	2119240023	NGUYỄN THỊ NGỌC TUYÊN	29/10/2001	CCQ1924A						79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
125	2118240352	HUỖNH THỰC UYÊN	25/09/2000	CCQ1824E						—	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
126	2119240197	NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	03/04/2001	CCQ1924G						85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
127	2119240228	TRẦN THỊ HỒNG VÂN	13/04/2001	CCQ1924H						—	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
128	2119240229	VŨ THỊ VÂN	27/09/2001	CCQ1924H						86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
129	2118240136	NGUYỄN THỊ THÚY VI	22/10/2000	CCQ1824B						78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
130	2119240051	TRỊNH THỊ TƯỜNG VI	25/10/2001	CCQ1924B						86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
131	2119240025	VÕ THỊ TƯỜNG VI	06/12/2001	CCQ1924A						90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
132	2119240052	NGÔ TÙNG VIỆT	27/10/2001	CCQ1924B						86	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
133	2119240256	TRẦN TUẤN VƯƠNG	15/03/2001	CCQ1924I						77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
134	2118240357	NGUYỄN HÀ KIỀU VY	06/05/2000	CCQ1824E						61	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
135	2119240107	TRỊNH THỊ HOÀNG VY	10/10/2001	CCQ1924D						96	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
136	2119240082	TRƯƠNG THỊ KIM YẾN	24/02/1999	CCQ1924C						91	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
137	2119240027	VÕ THỊ KIM YẾN	02/03/2001	CCQ1924A						87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 02**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2118240219	TRẦN THỊ THÚY AN	19/12/2000	CCQ1824D						80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119240346	HỒ THỊ KIM ANH	12/01/2001	CCQ1924F						67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2118240073	LÊ THỊ KIM ANH	21/02/1999	CCQ1824B						74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119240289	NÃO THỊ KIM ANH	27/12/2000	CCQ1924K						80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119240231	NGUYỄN NGỌC ANH	01/05/1997	CCQ1924I						—	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2118240146	TRẦN NGỌC QUỲNH ANH	27/05/1999	CCQ1824C						81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119240291	TRƯƠNG THỊ VÂN ANH	12/10/2001	CCQ1924K						72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2118240363	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	20/05/2000	CCQ1824F						75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119240112	DƯƠNG THỊ CẨM	24/01/2001	CCQ1924E						85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119240140	TRẦN THỊ KIM CÚC	19/11/2000	CCQ1924F						90	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119240141	NGUYỄN THỊ DANH	22/04/2001	CCQ1924F						76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2118240368	ĐỖ TRƯƠNG THÚY DIỄM	24/04/2000	CCQ1824F						75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119240259	NGUYỄN THANH THÚY DUY	23/12/2001	CCQ1924J						72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119240203	LÊ THỊ KIỀU DUYÊN	20/04/2001	CCQ1924H						81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119240055	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	01/05/2001	CCQ1924C						81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119240234	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	10/10/2001	CCQ1924I						72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119240142	NGUYỄN THÙY DUYÊN	20/10/2001	CCQ1924F						76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119240260	TRẦN NGUYỄN KỶ DUYÊN	15/06/1999	CCQ1924J						78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119240090	BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	02/11/2001	CCQ1924D						72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119240261	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	20/04/2001	CCQ1924J						77	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 02**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phạm Thị Thu</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phạm Thị Thu</i>	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2118240007	LƯƠNG NGỌC KIM ĐOAN	04/04/2000	CCQ1824A						70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2119240344	LÊ VĂN ĐỨC	12/01/2001	CCQ1924C						84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2119240235	NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM	01/09/2001	CCQ1924I						79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119240056	PHẠM THỊ GIANG	16/04/2001	CCQ1924C						77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2119240114	TRẦN LÊ GIANG	23/04/2001	CCQ1924E						84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2119240143	QUẢNG THỊ NGUYỆT HÀ	11/01/2000	CCQ1924F						78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2119240353	TRẦN THỊ THU HÀ	21/10/2001	CCQ1924K						71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2119240295	TÀI THỊ MỸ HÀO	02/04/2001	CCQ1924K						76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2119240057	ĐỖ THỊ BÍCH HẰNG	10/10/2001	CCQ1924C						70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2119240296	NGUYỄN MINH THANH HIỀN	18/12/2001	CCQ1924K						79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2119240116	TRẦN THỊ KIM HIỀN	15/05/2001	CCQ1924E						71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2119120522	TRƯƠNG THỊ MỸ HIỀN	10/12/2001	CCQ1924K						76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2118240160	NGUYỄN THỊ MAI HOA	13/07/2000	CCQ1824C						76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2118240230	TRẦN VIỆT HOÀI	25/09/1999	CCQ1824D						80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2119240297	VÕ THỊ MỸ HỒNG	22/11/2001	CCQ1924K						82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2119240144	NGUYỄN QUANG HUY	09/10/2000	CCQ1924F						73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2119240239	PHẠM THỊ THU HUYỀN	18/05/2001	CCQ1924I						83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2119240058	TÀI THỊ HÀM HƯƠNG	07/02/2001	CCQ1924C						85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2118240096	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	18/09/2000	CCQ1824B						78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2118240018	NGUYỄN THỊ THU KHẢO	14/06/2000	CCQ1824A						70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 02**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2119240298	NGUYỄN HOÀNG KHƯƠNG	06/11/2001	CCQ1924K						75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	2119240146	TÔ THỊ MỸ	05/02/2000	CCQ1924F						80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	2119240266	LÊ THỊ HOÀNG	03/12/1998	CCQ1924J						75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	2119120561	NGUYỄN BÉ	30/08/2001	CCQ1924K						90	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	2119240299	BÙI NHẬT	21/05/2001	CCQ1924K						73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	2119240240	ĐỖ THỊ ÁNH	20/02/2001	CCQ1924I						78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	2119240119	TRẦN THỊ MỸ	06/12/2001	CCQ1924E						70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	2119240148	TRẦN THỊ MỸ	31/01/2001	CCQ1924F						82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	2119240300	NGUYỄN VŨ HOÀNG	17/04/2001	CCQ1924K						71	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	2119240268	TRẦN THỊ XUÂN	23/07/2001	CCQ1924J						84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	2119240301	BÙI THỊ NGỌC	12/10/2001	CCQ1924K						78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
52	2119240150	NGUYỄN THỊ TUYẾT	11/01/2001	CCQ1924F						80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	2119240120	PHAN THỊ DIỄM	13/08/2001	CCQ1924E						68	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	2119240242	TRẦN THỊ TRÀ	20/04/2001	CCQ1924I						77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
55	2118240237	VÕ THỊ KIỀU	10/06/2000	CCQ1824D						84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
56	2119240068	LÊ THỊ THÚY	10/02/2001	CCQ1924C						77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
57	2119240121	HUỲNH PHAN THANH	19/10/2001	CCQ1924E						72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
58	2118240242	NGUYỄN LÊ THỊ THÚY	08/03/2000	CCQ1824D						81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
59	2119240303	HOÀNG THỊ	08/12/2001	CCQ1924K						80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
60	2119240122	DƯƠNG THỊ PHÚC	20/02/2000	CCQ1924E						89	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 02**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2119240304	LƯƠNG THỊ THANH NHÀN	23/01/2001	CCQ1924K						75		
62	2118240251	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	01/01/1999	CCQ1824D						70		
63	2118240181	LÊ THỊ LAN	05/11/2000	CCQ1824C						70		
64	2119240124	NGUYỄN LÊ YẾN	02/01/2001	CCQ1924E						79		
65	2119240246	NGUYỄN NGỌC UYÊN	30/03/2001	CCQ1924I						-		
66	2119240153	NGUYỄN THANH	06/05/2001	CCQ1924F						89		
67	2119240305	PHAN THỊ HỒNG	04/07/2001	CCQ1924K						77		
68	2119120602	ĐẶNG THỊ HUỲNH	25/01/2001	CCQ1924F						72		
69	2119240247	LÊ THỊ	16/05/2000	CCQ1924I						70		
70	2119240071	NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/02/2001	CCQ1924C						75		
71	2119240186	TRẦN THỊ HỒNG	23/08/2001	CCQ1924G						80		
72	2118240111	ĐÀM KIỀU	11/12/2000	CCQ1824B						76		
73	2119240306	ĐÌNH THỊ MỸ	14/08/2000	CCQ1924K						69		
74	2119240125	NGUYỄN THỊ NGỌC	23/11/2001	CCQ1924E						77		
75	2119240126	NGUYỄN Y	11/03/2001	CCQ1924E						81		
76	2118240323	NGUYỄN VĂN	28/10/2000	CCQ1824E						77		
77	2119240127	NGUYỄN ĐOÀN NHƯ	26/12/2001	CCQ1924E						83		
78	2119240308	BÙI KIM	18/12/2001	CCQ1924K						88		
79	2119240274	CAO THANH	03/06/2001	CCQ1924J						76		
80	2119240157	NGUYỄN THỊ THÙY	21/07/2001	CCQ1924F						75		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 02**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2119240188	TRẦN THỊ TÚ QUUYÊN	13/01/2001	CCQ1924G						78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	2119240128	TRƯƠNG ĐIỀU QUUYÊN	13/10/2001	CCQ1924E						75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	2118240264	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	03/07/2000	CCQ1824D						78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	2119240129	NGÔ LÊ KHẮC QUỲNH	03/10/2001	CCQ1924E						75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	2119240309	HUỖNH THỊ NGỌC SA	03/03/2001	CCQ1924K						90	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	2119240074	ĐẶNG THỤY MỸ TÂM	09/10/2001	CCQ1924C						73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	2119240042	LÊ MINH TÂM	13/06/2001	CCQ1924B						64	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	2119270228	HUỖNH THỊ NGỌC THANH	20/09/2001	CCQ1924K						86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	2119240158	TRẦN THỊ HƯƠNG THANH	21/02/2001	CCQ1924F						67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	2119240075	HUỖNH PHẠM BÍCH THẢO	01/06/2001	CCQ1924C						79	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
91	2118240332	PHAN THỊ THU THẢO	01/09/2000	CCQ1824E						74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
92	2119240280	NGUYỄN THỊ HỒNG THOA	13/01/2001	CCQ1924J						78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
93	2119240345	ĐOÀN THỊ HOÀI THU	19/01/2001	CCQ1924E						83	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
94	2118240335	LƯU NỮ MINH THỦY	21/03/2000	CCQ1824E						81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
95	2118240053	PHAN THỊ THANH THÚY	23/01/2000	CCQ1824A						86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
96	2119240076	PHẠM THỊ ANH THƯ	24/08/2001	CCQ1924C						88	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
97	2119240314	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	17/11/2001	CCQ1924K						—	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
98	2119240046	NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN	31/05/2001	CCQ1924B						72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
99	2119240253	BÙI NGUYỄN THANH TRÀ	22/03/2001	CCQ1924I						78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
100	2118240058	NGÔ NGỌC TRANG	25/08/2000	CCQ1824A						73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 02**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Dân</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Dân</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
101	2118240061	NGÔ XUÂN TRANG	25/08/2000	CCQ1824A						83	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
102	2119240160	NGUYỄN THỊ THI TRANG	06/11/2001	CCQ1924F						81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
103	2119240079	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	25/04/1999	CCQ1924C						68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
104	2119240252	VŨ THỊ QUỲNH TRANG	29/10/2001	CCQ1924I						82	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
105	2119240161	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG TRÂM	15/08/2001	CCQ1924F						75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
106	2118240209	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	08/04/2000	CCQ1824C						74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
107	2119240080	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM	07/04/2001	CCQ1924C						76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
108	2119240132	NGUYỄN THỊ MỸ TRINH	15/04/2001	CCQ1924E						74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
109	2118240063	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	07/10/2000	CCQ1824A						68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
110	2119240285	PHẠM THỊ KIỀU TRINH	07/03/2001	CCQ1924J						79	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
111	2119240134	LÊ THỊ THANH TRUYỀN	09/08/2001	CCQ1924E						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
112	2118240213	NGUYỄN CÔNG TRƯỜNG	15/03/1996	CCQ1824C						89	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
113	2119240286	DƯƠNG THỊ ÁNH TUYẾT	06/01/2001	CCQ1924J						75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
114	2119240135	HUỲNH THỊ SƠN TUYẾT	18/07/2001	CCQ1924E						70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
115	2119240196	NGÔ THỊ NGỌC TUYẾT	15/07/2001	CCQ1924G						85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
116	2119240255	BÙI THỊ THU UYÊN	21/09/2001	CCQ1924I						77	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
117	2118240350	NGUYỄN THỊ BẢO UYÊN	17/07/2000	CCQ1824E						70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
118	2119240317	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	09/02/2001	CCQ1924K						73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
119	2119240106	TRỊNH THỊ THU VÂN	09/07/2001	CCQ1924D						85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
120	2119240163	VŨ THỊ THÙY VÂN	21/12/2001	CCQ1924F						70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 02**

CBGD: **KHOA NGOẠI NGỮ (240090)**

Số SV có mặt: 127.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>Phan T. Thu</i>	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
121	2118240137	TỔNG NGUYỄN NGỌC TƯC VI	25/03/2000	CCQ1824B						86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
122	2119240138	TRƯƠNG THẢO VI	05/05/2001	CCQ1924E						81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
123	2118240356	HÀO THỊ BÍCH VƯƠNG	13/12/2000	CCQ1824E						70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
124	2119240257	LƯU THÚY VY	25/01/2001	CCQ1924I						70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
125	2119240165	VŨ THỊ THANH XUÂN	22/02/2001	CCQ1924F						73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
126	2119240167	THÁI THỊ NHƯ Ý	25/10/2001	CCQ1924F						73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
127	2119240166	LÊ THỊ HỒNG YẾN	25/02/2001	CCQ1924F						66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
128	2119240139	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	19/07/2000	CCQ1924E						81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

129 2118240024 Nguyễn Thanh Minh 21/06/2000 CCQ1824A 76

130 2118240028 Nguyễn Thị Diễm Ngọc 24/09/2000 CCQ1824A 75

131 2118240217 Đặng Thị Thuý Vy CCQ1824C 84

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập tốt nghiệp (Tiếng Anh) (224345) - Nhóm 03**

CBGD:

Số SV có mặt: 18

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
---	------------------	--	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119240319	HUỖNH LÊ NGỌC DIỆP	06/03/2001	CCQ1924LA						61	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2119240320	DƯƠNG THỊ MỸ	21/10/2001	CCQ1924LA						75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119240321	TRẦN NGỌC THẢO	12/12/1999	CCQ1924LA						74	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2119240322	VÕ CHÍ HÀO	22/10/2001	CCQ1924LA						8.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2119240323	HUỖNH GIA	01/02/2001	CCQ1924LA						73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2119240324	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	23/02/2001	CCQ1924LA						—	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2119240325	PHAN XUÂN KHƯƠNG	26/11/2001	CCQ1924LA						80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2119240326	PHÙ MỸ LINH	09/05/2001	CCQ1924LA						80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2119240356	TRẦN THÙY LINH	26/11/2000	CCQ1924LA						88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
10	2119240327	PHẠM THỊ TRÀ	08/12/1994	CCQ1924LA						75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2119240328	TRẦN BẢO MINH	01/02/2000	CCQ1924LA						85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2119240330	TRẦN CAO ĐÔNG	06/09/2001	CCQ1924LA						70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2119240331	LÊ THỊ HẠ	18/03/2001	CCQ1924LA						81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2119240333	HUỖNH NGỌC NHỊ	02/03/2001	CCQ1924LA						82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2119240338	VÕ NGỌC NHẢ	20/04/2001	CCQ1924LA						74	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2119240335	BÙI NGUYỄN CẨM TIỀN	10/12/2001	CCQ1924LA						8.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2119240336	TRẦN THỊ THU TRANG	14/06/2001	CCQ1924LA						78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2119240339	LÊ HỒNG THÚY VY	11/03/2000	CCQ1924LA						80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2119240340	THÁI THỊ THÚY VY	21/09/2001	CCQ1924LA						—	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2119240110	VÕ THỊ NGỌC YẾN	28/09/2001	CCQ1924LA						68	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9